UBND XÃ/PHƯỜNG/
THỊ TRẤN An Lạc Tây

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 446.../GCN-HN.HCN

An Lạc Tây, ngày 03 tháng 3 năm 2022

# GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*
*Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn An Lạc Tây chứng nhận:*

Hộ gia đình ông/bà: Lê Văn Nhi Dân tộc: Kinh
Số CCCD/CMND: ..... Ngày cấp .....
Nơi thường trú: An Hòa, An Lạc Tây
Kế Sách, Sóc Trăng

## I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình

| STT | Họ và tên | Dân tộc | Quan hệ với chủ hộ | Năm sinh | | Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Nam | Nữ | |
| 1 | Nguyễn Hồng Gấm | Kinh | Vợ | | 1992 | |
| 2 | Lê Thị Thanh Liên | " | Con | | 2010 | |
| 3 | Lê Văn Định Khang | " | " | 2015 | | |
| 4 | Lê Thị Cẩm Tú | " | " | | 2015 | Đã đi lấy chồng |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |
| 7 | | | | | | |
| 8 | | | | | | |
| 9 | | | | | | |
| 10 | | | | | | |
| 11 | | | | | | |
| 12 | | | | | | |
| 13 | | | | | | |
| 14 | | | | | | |

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 644 Quyển số 01 - SCT/BS
Ngày 01 tháng 03 năm 2022
Chủ tịch UBND Xã An Lạc Tây
Trần Hoàng Sang

## II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2022 - 2025

**NĂM 2022**

N ☐ CN ☒

Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 ☐ | 3 ☐ | 5 ☐ | 7 ☐ | 9 ☐ | 11 ☐ |
| 2 ☐ | 4 ☐ | 6 ☐ | 8 ☐ | 10 ☐ | 12 ☐ |

BẢN SAO

ngày 03 tháng 3 năm 2022
Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn
(Ký tên, đóng dấu)
Lê Thanh Việt

**NĂM 2023**

N ☐ CN ☒

Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 ☐ | 3 ☐ | 5 ☐ | 7 ☐ | 9 ☐ | 11 ☐ |
| 2 ☐ | 4 ☐ | 6 ☐ | 8 ☐ | 10 ☐ | 12 ☐ |

ngày 10 tháng 02 năm 2023
Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn
(Ký tên, đóng dấu)
Trần Hoàng Sang

**NĂM 2024**

N ☐ CN ☐

Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 ☐ | 3 ☐ | 5 ☐ | 7 ☐ | 9 ☐ | 11 ☐ |
| 2 ☐ | 4 ☐ | 6 ☐ | 8 ☐ | 10 ☐ | 12 ☐ |

ngày ... tháng ... năm ...
Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn
(Ký tên, đóng dấu)

**NĂM 2025**

N ☐

Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 ☐ | 3 ☐ | 5 ☐ | 7 ☐ | 9 ☐ | 11 ☐ |
| 2 ☐ | 4 ☐ | 6 ☐ | 8 ☐ | 10 ☐ | 12 ☐ |

ngày ... tháng ... năm ...
Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn
(Ký tên, đóng dấu)

**NĂM 20.....**

Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 ☐ | 3 ☐ | 5 ☐ | 7 ☐ | 9 ☐ | 11 ☐ |
| 2 ☐ | 4 ☐ | 6 ☐ | 8 ☐ | 10 ☐ | 12 ☐ |

ngày ... tháng ... năm ...
Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn
(Ký tên, đóng dấu)